

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích và bà Vũ Thị Lệ Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Là Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận S, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2019/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN TỪ V (*Tên gọi khác: Không*), sinh năm 1993, tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Tổ 27, phường T, quận S, TP Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; con ông: Không rõ và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; bị cáo là con duy nhất trong gia đình, có vợ là Trương Thanh T, sinh năm 1995 và 01 con nhỏ sinh năm 2012.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân: Ngày 01/12/2018, bị Công an phường N, quận S xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. *Có mặt tại phiên tòa.*

* *Người bị hại:* Anh **Nguyễn Kim N**, sinh năm: 1980; địa chỉ: K37/H3/16 N, tổ 34, phường T, quận S, TP Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh **Lê Văn T**, sinh năm: 1995; địa chỉ: Phòng 405 Chung Cư H, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

* *Người chứng kiến:* Anh **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 34, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 24/11/2018, anh Nguyễn Kim N đi làm về có dựng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen, BKS 43E1-39135 trước hiên nhà tại địa chỉ K37/H3/16 Nguyễn Phan V, phường T, quận S, TP Đà Nẵng. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Từ V có đi ngang qua nhà anh N và nhìn thấy chiếc xe mô tô trên đang dựng trước nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. V sử dụng chìa khoá xe đã có sẵn từ trước mở khoá và lấy xe đi. Sau đó, V điều khiển xe đến gặp Lê Văn T và nhờ T đi cầm cố xe giúp V. Thỏi giấy tờ xe và chứng minh nhân dân thì V nói “*Xe bị mất giấy tờ, xe của nhà nên yên tâm đi*” và nói với T cầm cố khoảng 02 ngày, có tiền thì V đem đến chuộc xe. T tin tưởng nên đưa cho V số tiền 2.000.000 đồng rồi T lấy xe sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 13/2/2019, khi T sử dụng xe này đi lại thì bị anh Nguyễn Ngọc B phát hiện thấy giống xe của anh N bị mất nên báo cho lực lượng Công an đến giải quyết.

Tang vật:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen, BKS 43E1-391.35 (Đã trao trả cho anh Nguyễn Kim N).

Tại kết luận số: 20/2019/KL-HĐĐTSTTHS ngày 28/02/2019 của HĐ ĐGTS trong TTTHS quận S xác định: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen, BKS 43E1-391.35 có giá trị 13.650.000 đồng.

Bồi thường dân sự:

Anh Nguyễn Kim N đã nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen, BKS 43E1-391.35, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Anh Lê Văn T yêu cầu Nguyễn Từ V trả lại số tiền 2.000.000 đồng.

Qua điều tra xác định: Trước đây, Nguyễn Từ V có quen biết với em trai của Nguyễn Kim N là Nguyễn Ngọc C và được C dẫn về sống trong nhà khoảng 03 tuần. Trong một lần C đang sử dụng xe mô tô BKS 43E1-39135 đi chơi thì mất chìa khóa nên bảo V đem chìa khóa xe (thứ hai) ở nhà đến cho C. Tuy nhiên sau đó, C điện thoại cho V nói là đã tìm thấy nên không cần đem chìa khoá đến nữa nên V giữ lại chiếc chìa khóa đó rồi sau đó thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

* Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại anh Nguyễn Kim N vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng tối ngày trong cuối tháng 11/2018 sau khi đi làm về đến nhà tại số K37/H3/16 Nguyễn Phan V, tôi dựng xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen biển số 43E1-39135 trước hiên nhà rồi sau đó đi vào nhà nghỉ ngơi. Khoảng hơn 03 phút sau tôi nghe tiếng xe máy nổ liền chạy ra thì phát hiện xe máy của tôi đã bị kẻ gian trộm cắp, khi sự việc mất xảy ra tôi chưa đến cơ quan công an phường trình báo vì công việc tại thời điểm đó quá nhiều.

* Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên anh Lê văn T vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện: Vào cuối tháng 11/2018 (tôi không nhớ ngày cụ thể), V đi đến chung cư H gặp tôi. Tại đây V nhờ tôi tìm chỗ cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Sirius, màu trắng – đen biển số 43E1-39135 với giá 02 triệu đồng để tiêu xài. Tôi hỏi V: “Xe máy có giấy tờ không ?” thì V nói: “Xe bị mất giấy tờ, xe của nhà nên yên tâm đi”. Tôi nói V: “Để đó ta đi tìm chỗ cầm cố cho”. Tôi lấy xe máy Sirius, biển số 43E1-39135 đi một lúc rồi quay lại đưa cho V số tiền 02 triệu đồng. Tôi lấy xe máy của V sử dụng làm phương tiện đi lại đến ngày 13/02/2019 thì tôi bị cơ quan Công an mời về trụ sở làm việc và khai nhận sự việc trên.

* Tại phiên tòa hôm nay, người chứng kiến anh Nguyễn Ngọc B vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 21 giờ ngày 13/02/2019, tôi đến nhà bạn tại Kiệt 17 đường Lê Tấn T, phường T để nhậu, đang nhậu tôi nhìn thấy một thanh niên điều khiển xe máy có đặc điểm loại xe Yamaha Sirius màu trắng – đen rất

giống với xe máy của N bị mất trộm. Tôi đi đến nhìn biển số xe thấy số 43E1-39135 và xác định đây là xe máy của N bị mất nên điện báo Công an phường T đến giải quyết.

Lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Từ V.

Cáo trạng số 36/CT- VKS ngày 18/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị can Nguyễn Từ V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, TP Đà Nẵng thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Từ V từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 586 và 589 BLDS: Buộc bị cáo Nguyễn Từ V phải bồi thường cho anh Lê Văn T số tiền 2.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả cho anh Lê Văn T số tiền 2.000.000 đồng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Tại phiên tòa, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Sơn Trà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến cũng như các chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 24/11/2018, tại số nhà K37/H3/16 Nguyễn Phan V, phường T, quận S, Nguyễn Từ V đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen, BKS 43E1-391.35 của anh Nguyễn Kim N có giá trị 13.650.000 đồng rồi đem đi cầm cố lấy số tiền 2.000.000 đồng để tiêu xài.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Từ V đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm cần phải được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được điều đó, nhưng do xem thường pháp luật nên đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng đen, BKS 43E1-391.35 của anh Nguyễn Kim N có giá trị 13.650.000 đồng rồi đem đi cầm cố lấy số tiền 2.000.000 đồng để tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử

thấy cần lên cho bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[4]. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Kim N vào ngày 24/11/2018 chưa bị phát hiện thì vào ngày 01/12/2018 bị cáo tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản là 01 bình ga nên đã bị Công an phường N, quận S ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo. Điều này chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, nếu không có biện pháp cải tạo, giáo dục tốt thì dễ trở thành loại tội phạm chuyên nghiệp, gây nguy hiểm cho xã hội. Với nhân thân của bị cáo như vậy thì cần phải tiếp tục cách ly ra khỏi sinh hoạt đời sống xã hội một thời gian để có biện pháp quản lý giáo dục cho bị cáo tiến bộ như quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là thỏa đáng.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; tỏ ra biết ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện nộp tiền bồi thường để khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. HĐXX xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần trong khi lượng hình.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

[5.1]. Tại phiên tòa, người bị hại anh Nguyễn Kim N vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

[5.2]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn T vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, yêu cầu trên của anh T là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với Điều 48 BLHS; Điều 584, 586 và 589 BLDS nên cần chấp nhận.

[6]. Về xử lý vật chứng: Trả cho anh Lê Văn T số tiền 2.000.000 đồng mà bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu tiền số 8949 ngày 19/4/2019.

[7]. Đối với Lê Văn T, do không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT công an quận S không đề cập xử lý là phù hợp. Riêng đối với hành

vi kinh doanh cầm cố tài sản nhưng không có giấy phép của anh T, Công an quận Sơn Trà ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền là có cơ sở.

[8]. Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[9]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Từ V phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự .

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Từ V **09 (Chín)** tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 586 và 589 BLDS:

Buộc bị cáo Nguyễn Từ V phải bồi thường cho anh Lê Văn T số tiền 2.000.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên trả cho anh Lê Văn T số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà theo biên lai thu tiền số 8949 ngày 19/4/2019.

4. Án phí HS-ST: Bị cáo Nguyễn Từ V phải chịu 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh